TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2022/HS-PT
Ngày: 07-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các thẩm phán Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Lê Tự**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 483/2021/TLPT-HS ngày 21/10/2021 đối với bị cáo **Nguyễn Duy P** và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Duy P, sinh ngày 22/10/1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: Biết đọc, biết viết; nghề nghiệp: Không; con ông (*không rõ cha*) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969.

Tiền án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2018/HSST ngày 23/8/2018, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2008/HSST ngày 12/5/2008, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Bị cáo bị bắt ngày 02/5/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 30/4/2001 tại An G; nơi đăng ký HKTT: tỉnh An G; địa chỉ tạm trú: Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn H (*đã chết*) và bà Trần Thị V, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 02/5/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng có L quan đến kháng cáo:

** Người bào chữa:*

1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy P: Luật sư **Hà Đồng T** –

Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng;

Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: Luật sư **Vũ Cát T** - Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng;

Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. Chị Trần Bình P C, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: tỉnh Vĩnh L, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: tỉnh Vĩnh L, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Viết P, sinh năm 1964; đại chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Vụ án có 13 người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2020, Nguyễn Duy P quen biết một người tên N, có tài khoản Zalo là "Jack Kicm". N nói P đi mở tài khoản Ngân hàng và tìm người mở tài khoản Ngân hàng để cung cấp cho N, N trả công cho P 2.000.000 đồng/thẻ và chi hoa hồng cho P. Do đó, P sử dụng Chứng minh nhân dân của mình mở nhiều tài khoản Ngân hàng, gồm: Tài khoản số 1015714568 tại Ngân hàng S, tài khoản số 1444441168 tại Ngân hàng A, tài khoản số 19035524218010 tại Ngân hàng T, tài khoản số 703015849003 tại Ngân hàng M.

Ngoài ra, Nguyễn Duy P còn L hệ nhiều người gồm G Quốc L (trú Thành phố Hồ Chí Minh), Cao Thị T H (trú Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Văn H (trú thành phố Hồ Chí Minh), Bùi Văn H (không rõ lai lịch), Huỳnh Ngô Tuấn K (trú Thành phố Hồ Chí Minh), Phạm Thị Thanh T (trú tỉnh Ninh Thuận), Võ Thị Hồng H (trú Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Thị B (không rõ lai lịch), Nguyễn Thị Cẩm V (trú Thành phố Hồ Chí Minh), Mai Thị Tài L (trú ấp tỉnh

Đồng Tháp) để mở tài khoản rồi đưa thẻ ATM và số điện thoại đăng ký dịch vụ Internet banking cho P để P cung cấp cho N nhằm mục đích nhận tiền của các bị hại rồi chiếm đoạt.

Khoảng tháng 02-2020, do không có việc làm, Nguyễn Văn Đ đến ở chung nhà do vợ chồng P thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh, mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày đều do P lo. Đầu tháng 02 năm 2020, P nói Đ mở tài khoản Ngân hàng đưa cho P. P đưa danh sách 10 Ngân hàng và tiền để làm phí mở tài khoản, Đ tự đi mua sim điện thoại để đăng ký Internet banking SMS kết nối với các tài khoản, mỗi tài khoản Đ được hưởng 1.000.000 đồng. Đ sử dụng Chứng minh nhân dân của mình và dùng sim điện thoại số 0764047362 đăng ký mở 10 tài khoản theo yêu cầu của P, trong đó có tài khoản số 03508510101 tại Ngân hàng P; tài khoản số 1010170757008 tại Ngân hàng M. Sau khi mở tài khoản, Đ đưa thẻ ATM và sim điện thoại số 0764047362 cho P giữ và được P trả tổng cộng 10.000.000 đồng.

Sau khi có tài khoản, P gửi mật khẩu do Ngân hàng cung cấp qua tin nhắn Zalo cho N để N đăng ký dịch vụ Internet banking. Các thẻ ATM và số điện thoại đăng ký P giữ để nhận mã OTP do Ngân hàng gửi đến khi P sinh các giao dịch chuyển khoản. Khi các tài khoản này nhận tiền của bị hại chuyển đến, P thông báo cho N để N đặt lệnh chuyển tiền, khi Ngân hàng gởi mã OTP đến số điện thoại của P, thì P chụp các mã này gửi qua Zalo cho N để N nhập mã xác thực và hoàn thành giao dịch chuyển khoản.

Khoảng cuối tháng 4-2020, sau khi thực hiện chuyển hết số tiền chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Viết P chuyển đến tài khoản của Đ, P yêu cầu Đ đến Ngân hàng hủy thẻ, đóng tài khoản, nhưng Đ chỉ hủy được tài khoản tại các Ngân hàng T, V, M và O và rút số tiền còn lại trong tài khoản là 1.165.000 đồng để sử dụng cá nhân. Riêng tài khoản số 1010170757008 tại Ngân hàng M và tài khoản tại Ngân hàng VT, khi Đ đến L hệ đóng thì nhân viên Ngân hàng thông báo các tài khoản này đang thực hiện giao dịch vi phạm pháp luật và cơ quan Công an đang điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không đóng được. Đ kể lại sự việc cho P nghe và tiếp tục để P sử dụng các tài khoản của mình để nhận và chuyển tiền lừa đảo.

Qua điều tra xác định thủ đoạn chiếm đoạt tài sản của các bị hại được các đối tượng thực hiện như sau: Đối tượng gọi điện cho bị hại, thông báo nợ tiền thẻ tín dụng, tiền Ngân hàng. Khi bị hại nói không L quan thì được đối tượng thông báo bị hại có L quan đến vụ án rửa tiền do Bộ Công an đang điều tra và nối máy để bị hại gặp cán bộ điều tra. Người xưng là cán bộ điều tra thông báo cho bị hại về việc họ đang bị tình nghi L quan đến vụ án, để phục vụ việc điều tra và chứng minh không L quan, bị hại phải mua điện thoại mới có truy cập mạng Internet, gắn sim để L lạc. Sau đó đối tượng tiếp tục yêu cầu bị hại mở tài khoản tại Ngân hàng, đăng ký dịch vụ Internet banking, nộp tiền vào các tài khoản này. Khi bị hại thực hiện xong việc nộp tiền vào tài khoản, đối tượng hướng dẫn bị hại tải và cài đặt ứng dụng có Logo "Bộ Công an" và kích hoạt vào ứng dụng này, nhập thông tin tài khoản thẻ Ngân hàng, số điện thoại, mật khẩu Ipay, số chứng minh nhân dân. Sau khi bị hại thực hiện đầy đủ các bước

như yêu cầu thì T bộ khoản tiền có trong tài khoản của các bị hại bị chuyển sang các tài khoản do đối tượng quản lý, trong đó có tài khoản do P, Đ và các đối tượng được P thuê mở.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 3/2020 đến ngày 17/4/2020, bằng thủ đoạn như trên, P và Đ đã nhận và chiếm đoạt tiền của các bị hại như sau:

- Vụ thứ nhất: Chiếm đoạt của bà Trần Bình P C (trú Ấp Giồng Ké, xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh L) số tiền 545.050.000 đồng:

Ngày 01-3-2020, số điện thoại nhà bà C 02703870603 nhận được điện thoại của một người phụ nữ xưng tên Lê Thị Yến N là nhân viên Bưu chính thành Hồ Chí Minh thông báo về việc bà C mở tài khoản số 4203832451248286 tại Ngân hàng S - Chi nhánh H có chi số tiền 36.866.000 đồng đã quá hạn và Ngân hàng yêu cầu thanh toán. Bà C nói không mở tài khoản này thì được giải thích có người đánh cắp thông tin cá nhân của bà để mở tài khoản và chuyển máy cho Điều tra viên ở Cục điều tra tội phạm Hà Nội. Sau khi thực hiện theo các yêu cầu của người này, tải và truy cập vào ứng dụng có Logo của Bộ Công an thì T bộ số tiền 545.050.000 đồng có trong tài khoản đứng tên bà C số 109871325217 tại Ngân hàng VT, đăng ký dịch vụ Ipay qua số điện thoại 0815367706 bị đối tượng chuyển sang tài khoản khác rồi chiếm đoạt.

Qua sao kê các tài khoản Ngân hàng có L quan xác định số tiền trong tài khoản bà C được chuyển trực tiếp đến các tài khoản số 0013100013381007 tại Ngân hàng O mang tên Ngô Thị Y, tài khoản số 1015714568 tại Ngân hàng S mang tên Nguyễn Duy P và tài khoản số 0501000015151 tại Ngân hàng V mang tên Mai Thị Tài L. Sau đó, số tiền này tiếp tục được chuyển lòng vòng qua các tài khoản gồm: Tài khoản số 03454005201 tại Ngân hàng P mang tên Hồ Văn T, tài khoản số 19035524305010 tại Ngân hàng T mang tên Ngô Thị Y, tài khoản số 1444441168 tại Ngân hàng A mang tên Nguyễn Duy P, tài khoản số 1902845781702 tại Ngân hàng T mang tên Vũ Quang V, tài khoản số 19028801394011 tại Ngân hàng T mang tên Phạm Sơn T, tài khoản số 19032469593037 tại Ngân hàng T mang tên Nguyễn Văn L, tài khoản số 19131546686688 tại Ngân hàng T mang tên Đặng Văn P, tài khoản số 19034426744018 tại Ngân hàng T mang tên Trần Thế P và tài khoản số 0111000324603 tại Ngân hàng V mang tên Nguyễn Hoàng G.

- Vụ thứ hai: Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn P (trú tỉnh Vĩnh Long) số tiền 500.000.000 đồng:

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, đối tượng sử dụng điện thoại số +800692342593 gọi đến điện thoại bàn của ông P số 0270382833, giới thiệu là nhân viên Bưu điện Vĩnh L thông báo ông P có thư mời L quan đến vụ án rửa tiền và chuyển máy cho gặp người tự xưng tên là H - Điều tra viên Công an Hà Nội. Người này yêu cầu ông P mua điện thoại loại Sam sung có kết nối Internet để phục vụ điều tra và kiểm kê tài sản và mở tài khoản số 73010000193178 Ngân hàng B đăng ký dịch vụ Internet banking qua số điện thoại 0817566429. Sau khi ông P nộp tiền vào tài khoản, tải và truy cập vào ứng dụng có Logo của Bộ Công an thì T bộ số tiền 500.000.000 đồng có trong tài khoản số 73010000193178 bị

đối tượng chuyển sang tài khoản khác rồi chiếm đoạt.

Qua sao kê các tài khoản Ngân hàng có L quan xác định số tiền trong tài khoản ông P được chuyển trực tiếp đến các tài khoản gồm: Tài khoản số 703015849003 tại Ngân hàng M mang tên Nguyễn Văn P, tài khoản số 03461062501 tại Ngân hàng TPBank mang tên Mai Thị Tài L. Sau đó, từ các tài khoản trên, tiền được chuyển lòng vòng qua các tài khoản gồm: Tài khoản số 19035524218010 tại Ngân hàng T mang tên Nguyễn Duy P, tài khoản số 19028801394011 tại Ngân hàng T mang tên Phạm Sơn T, tài khoản số 19034660450011 tại Ngân hàng T mang tên Nguyễn Thị C, tài khoản số 19032945951036 tại Ngân hàng M mang tên Nguyễn Việt L, tài khoản số 19033864547016 tại Ngân hàng T mang tên Nguyễn Đức H, tài khoản số 19022939137911 tại Ngân hàng T mang tên Trần Thị Xuân P, tài khoản số 618704060032922 tại Ngân hàng I mang tên Nguyễn Quyết T, tài khoản số 0111000324603 tại Ngân hàng V mang tên Nguyễn Hoàng G, tài khoản số 19034450767010 tại Ngân hàng T mang tên Nhân H A; tài khoản số 06300014102009 tại Ngân hàng S (chưa rõ tên chủ tài khoản) và tài khoản số 618704060023481 tại Ngân hàng I mang tên Mai Thị Thắm.

- Vụ thứ ba: Chiếm đoạt của ông Nguyễn Viết P (trú số thành phố Đà Nẵng) số tiền 3.200.000.000 đồng:

Khoảng 10 giờ ngày 17 tháng 4 năm 2020, ông Nguyễn Viết P nhận được điện thoại của một người xưng là nhân viên Bưu chính viễn thông yêu cầu thanh toán khoản chi tiêu của thẻ tín dụng trả sau trị giá 36.866.000 đồng mang tên ông cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hà Nội và chuyển máy đến số điện thoại đường dây nóng của Bộ Công an số 0693 187 797, 0692 342 593 gặp người xưng là đại tá Tín - Phó Trưởng phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an. Đối tượng này yêu cầu ông P mua 1 điện thoại di động mới, lắp sim đang dùng vào, cài đặt 3G và chuyển số tiền ông gửi tại 03 Ngân hàng M, Viettinbank và Agribank chuyển vào tài khoản mang tên ông P số 3010117111004 tại Ngân hàng M. Sau khi ông thực hiện theo hướng dẫn kích hoạt vào ứng dụng có Logo Bộ Công an thì số tiền 3.200.000.000 đồng có trong tài khoản bị đối tượng chuyển sang các tài khoản khác rồi chiếm đoạt.

Qua việc yêu cầu Ngân hàng cung cấp sao kê các tài khoản nhận tiền, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng xác định số tiền trong tài khoản số 3010117111004 mang tên Nguyễn Viết P tại Ngân hàng M được chuyển trực tiếp vào các tài khoản gồm: Tài khoản số 1010170757008 tại Ngân hàng M mang tên Nguyễn Văn Đ, tài khoản số 03508510101 tại Ngân hàng TPBank mang tên Nguyễn Văn Đ, tài khoản số 107871352675 tại Ngân hàng VietinkBank mang tên Nguyễn Đức Duy. Sau đó, tiền tiếp tục được chuyển lòng vòng qua các tài khoản gồm : Tài khoản số 673515888 tại Ngân hàng A mang tên Mai Thị Tài L, tài khoản số 19032765539031 tại Ngân hàng T mang tên Phan Hữu P và từ tài khoản này chuyển sang tài khoản số 1500200410001, 19035797797018 (chưa rõ tài khoản này thuộc Ngân hàng nào).

Như vậy, Nguyễn Duy P và Nguyễn Văn Đ có hành vi mở các tài khoản Ngân

hàng hoặc thuê người khác mở tài khoản Ngân hàng để nhận và chiếm đoạt của 03 bị hại, tổng cộng là 4.245.050.000 đồng. Trong đó, P tham gia 3 vụ, chiếm đoạt tài sản trị giá 4.245.050.000 đồng; Đ tham gia 01 vụ chiếm đoạt tài sản trị giá 3.200.000.000 đồng.

Qua sao kê tài khoản và trích xuất các nội dung tin nhắn Zalo qua lại giữa điện thoại của P và người có tài khoản "Jack Kicm" thể hiện nội dung trao đổi L quan đến việc nhận tiền, chuyển tiền, gởi mã OTP, việc trao đổi xóa các tin nhắn và việc yêu cầu P dọn đến ở tại phòng trong Tòa nhà Landmark 81 để tránh bị Công an điều tra do ngày 06/4/2020, Cao Thị T H gọi điện cho P thông báo việc H bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh mời đến làm việc vì thẻ do H mở có L quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Nguyễn Duy P 16 **(mười sáu)** năm tù về tội "*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/5/2020.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Nguyễn Văn Đ 13 **(mười ba)** năm tù về tội "*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/5/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19 và ngày 26/9/2021, các bị cáo Nguyễn Duy P và Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 29/9/2021, bị hại Nguyễn Viết P có đơn kiến nghị yêu cầu các cơ quan chức năng tiếp tục làm rõ các tài khoản mà các bị cáo đã chuyển tiền, xác định manh mối tội phạm. Tiếp tục có biện pháp truy bắt tên Hồ Văn N đang bỏ trốn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị hại Nguyễn Viết P cho rằng Hồ Văn N đã bị bắt nên đề nghị xem xét vai trò và trách nhiệm của N đối với bị hại.

+ Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quyết định.

+ Đại diện Viện kiểm sát cho rằng hiện nay đối tượng Hồ Văn N đã bị bắt và đã bị khởi tố nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ mục đích, vai trò và mức độ đồng phạm của các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Văn Đ trong vụ án.

+ Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Duy P và Nguyễn Văn Đ thống nhất Y kiến P biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ Y thức chủ quan của các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Văn Đ.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Khoảng đầu năm 2020, bị cáo Nguyễn Duy P mở 04 tài khoản tại các Ngân hàng gồm: Tài khoản số 1015714568 tại Ngân hàng S, tài khoản số 1444441168 tại Ngân hàng A, tài khoản số 19035524218010 tại Ngân hàng T và tài khoản số 703015849003 tại Ngân hàng M. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Duy P còn L hệ với nhiều người khác để mở tài khoản tại các ngân hàng. Trong đó: Bị cáo P yêu cầu Nguyễn Văn Đ sử dụng Chứng minh nhân dân của Đ, dùng sim điện thoại số 0764047362 của Đ, đăng ký mở 10 tài khoản.

Các tài khoản do P, Đ và các đối tượng được P thuê mở đã được sử dụng để chiếm đoạt tiền của bị hại là bà Trần Bình P C số tiền 545.050.000 đồng, ông Nguyễn Văn P số tiền 500.000.000 đồng và ông Nguyễn Viết P số tiền 3.200.000.000 đồng.

Kết luận điều tra, cáo trạng và bản án sơ thẩm đều xác định các bị cáo Nguyễn Duy P và Nguyễn Văn Đ phạm tội "*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*" với vai trò đồng phạm theo quy định tại khoản 4 Điều 290 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên:

[1.1] Theo lời khai của bị cáo Nguyễn Duy P tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thể hiện: Giữa Nguyễn Duy P với đối tượng Hồ Văn N mới quen biết nhau, N yêu cầu P mở nhiều tài khoản tại các Ngân hàng để bán lại cho N với giá 2.000.000 đồng/tài khoản; vì hoàn cảnh khó khăn nên P đã mở các tài khoản Ngân hàng theo yêu cầu của N; đồng thời L hệ với một số người khác và bị cáo Đ mở các tài khoản Ngân hàng rồi bán thẻ ATM và số điện thoại đã đăng ký dịch vụ Internet banking cho P với giá 1.000.000 đồng/tài khoản. Sau khi mua được, P gửi mật khẩu do Ngân hàng cung cấp qua tin nhắn Zalo cho N và nhận tiền 2.000.000 đồng/tài khoản; tổng số tiền P được hưởng lợi là 60.000.000 đồng. P không được nhận số tiền lừa đảo của các bị hại; khi N yêu cầu bị cáo P mở các tài khoản Ngân hàng thì N cho biết là N dùng để chuyển tiền đổi thưởng nên P không biết mục đích chiếm đoạt tiền của các bị hại của N như thế nào và số tiền của các bị hại được chuyển đi đâu thì bị cáo P hoàn T không rõ.

[1.2] Bị cáo Nguyễn Duy P khai khi yêu cầu Đ mở 10 tài khoản tại các Ngân hàng do P cung cấp, P nói với Đ việc mở các tài khoản ngân hàng là nhằm mục đích để chuyển tiền đổi thưởng. Lời khai của bị cáo P phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Văn Đ: "*P bảo mở 10 tài khoản ngân hàng…đưa danh sách 10 Ngân hàng và tiền lệ phí mở tài khoản…nói là mở để chuyển tiền thưởng…*" và theo lời khai của bị cáo Đ và bị cáo P thì sau khi Đ mở các tài khoản Ngân

hàng, đăng ký dịch vụ Internet banking; bị cáo Đ giao T bộ thẻ ATM và số điện thoại đã đăng ký dịch vụ Internet banking cho P để nhận số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản và tổng số tiền bị cáo Đ nhận từ bị cáo P là 10.000.000 đồng; việc bị hại P chuyển tiền vào tài khoản do Đ mở tại các Ngân hàng, bị cáo Đ không biết và không nhận số tiền này.

[1.3] Như vậy, với nội dung trên thể hiện:

Bị cáo Nguyễn Duy P dùng giấy tờ cá nhân để mở tài khoản Ngân hàng và thuê người khác mở tài khoản Ngân hàng nhằm mục đích bán lại thẻ ATM và số điện thoại đăng ký dịch vụ Internet banking cho đối tượng Hồ Văn N để nhận số tiền 2.000.000 đồng/tài khoản và hưởng chênh lệch số tiền 1.000.000 đồng/01 tài khoản.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ dùng giấy tờ cá nhân để mở tài khoản Ngân hàng nhằm mục đích bán lại thẻ ATM và số điện thoại đăng ký dịch vụ Internet banking cho P để lấy tiền số tiền 1.000.000 đồng/01 tài khoản.

Việc các bị cáo P, Đ mở các tài khoản Ngân hàng và việc bị cáo P thuê nhiều người khác mở tài khoản Ngân hàng bán lại cho P là do thấy việc bán lại các tài khoản Ngân hàng (*thẻ ATM và số điện thoại đăng ký dịch vụ Internet banking*) có lợi nhuận cao, không tốn nhiều chi phí và không mất nhiều thời gian. Sau khi mua các tài khoản Ngân hàng đứng tên P, Đ và những người khác, các đối tượng khác dùng làm phương tiện để sử dụng vào mục đích chiếm đoạt tài sản của các bị hại; việc chiếm đoạt tài sản của các bị hại Trần Bình P C, Nguyễn Văn P và Nguyễn Viết P trong vụ án không thể hiện rõ các bị cáo P và Đ biết được Y chí, mục đích chiếm đoạt của các đối tượng mua lại các tài khoản Ngân hàng do P và Đ bán lại.

Cơ quan điều tra thu giữ tại nơi ở của bị cáo P 80 thẻ tài khoản Ngân hàng nhưng sau khi mua lại các tài khoản, P đã gửi mật khẩu, mã OTP do Ngân hàng cung cấp qua tin nhắn Zalo cho đối tượng N và nhận số tiền 2.000.000 đồng/tài khoản; sau khi N nhận được tin nhắn của P, N đăng ký APP chuyển khoản Internet banking, đổi mật khẩu và quản lý việc chuyển tiền nên cũng chưa đủ cơ sở xác định bị cáo P nhận thức được việc các đối tượng dùng các tài khoản do P mở và mua lại để nhằm mục đích chiếm đoạt.

[1.4] Việc P yêu cầu Đ đến Ngân hàng hủy thẻ, đóng tài khoản, nhưng Đ chỉ hủy được tài khoản tại các Ngân hàng T, V, M. Riêng tài khoản tại Ngân hàng M và tài khoản tại Ngân hàng VT (*các tài khoản của Nguyễn Văn Đ đã nhận tiền của bị hại P chuyển đến*), khi Đ đến L hệ đóng thì nhân viên Ngân hàng thông báo các tài khoản này đang thực hiện giao dịch vi phạm pháp luật và cơ quan Công an đang điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; theo lời khai của bị cáo Đ thì lúc này bị cáo Đ mới biết được các tài khoản do Đ mở bị người khác dùng vào việc chiếm đoạt tiền của các bị hại. Bên cạnh đó, việc Đ biết được các tài khoản của Đ đang bị người khác dùng vào việc chiếm đoạt tiền là sau khi số tiền của bị hại Nguyễn Viết P đã bị rút ra khỏi tài khoản Ngân hàng. Vì vậy, không thể cho rằng bị cáo Nguyễn Văn Đ tiếp tay hoặc bỏ mặc các tài khoản do Đ mở để các đối tượng thực hiện việc chiếm đoạt tiền của bị hại P

như kết luận điều tra xác định.

Cho nên, cấp sơ thẩm cho rằng các bị cáo Nguyễn Duy P và Nguyễn Văn Đ phạm tội "*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*" là chưa đủ cơ sở. Mặt khác, hiện nay đối tượng Hồ Văn N đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng khởi tố, bắt tạm giam để điều tra (*Quyết định khởi tố bị can Hồ Văn N số 257/CSHS ngày 28/12/2021*). Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ vai trò, đồng phạm của các bị cáo Nguyễn Duy P và Nguyễn Văn Đ trong vụ án này.

[2] Do hủy bản án sơ thẩm nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Văn Đ và kiến nghị của bị hại Nguyễn Viết P không giải quyết và sẽ được xem xét trong quá trình giải quyết lại vụ án.

[3] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự;

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng để điều tra lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GĐKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (TTG tống đạt cho bị cáo);
- Lưu: HSVA; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Phước Thanh